Phần Mở Đầu

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật L r 9

Trong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên pháp luân"? nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi
nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. A 9 Thật hoan hỷ, tinh thân chuyên bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoàng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Di Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bác thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm uĐạo pháp - Dân tOc.” Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam y đang
thực hiện có ý nghĩa hét sức quan trọng trong việc ukê vãng khai lai, truyên trì đạo mạch55, không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

x KINH TIỂU Bộ

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT." Nguyện câu Phật nhật tăng

huy, Pháp luân thường chuyên, thê giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (P Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. l. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản tri VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Nam'\ vốn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tcưn tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam'\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm “Bại tạng kinh” chi đề cập đến “Kinh tạng” (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm “Tam tạng Thánh điển Phật giáo” có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pỉtaka, H.,Lu^t tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pitaka, H.,Luatạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha). Văn học Phụ chú giải (P. Tīka). Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giAo” là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyên) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma, H.,Pháp), Đạo đức (P=S Vìnaya. H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhammaf s. Abhidharma, H.,Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahāvarnsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pali bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời

Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điên Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gôm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết đinh phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa so người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (Ma-ha Bát-nhã. Hoa Nghiêm. Đại Bảo Tích. Niết-bàn, Pháp Hoả); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hàm). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. TạpA-hànì). v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pali và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập5 đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồnệ Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tinh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tông hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn

Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyên đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành Kinh Trường bô từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập ji), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bọ'. 1973 (tạp I), 1974 (tạp II, III). 2 Còn thiếu 5 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử và Hạnh tạng.

xiv 0 KINH TIỂU Bộ

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh (),có cấu trúc mục lục khác với
các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), frong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dAu tiên được thực hiện từ năm 1637
đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh (,1924-1934) do
các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã

trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGYN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cô ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

Phật giảo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha ứiiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê5 chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Ph bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thơi khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyên hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là

một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đàu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do VuaAsoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điên được biên chép và bô sung phân Chú giải. ơ An Độ, lân kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihãra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pali được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pâli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cuông thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói vê phương diện đâu nguôn, cô kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đên nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng

khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoan thành năm 983 . Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tôn cân trọng tại Hải An tự. Nhật Bản tiếp nhận suôi nguôn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (Taishõ Shinshữ Daizõkyõ,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hxmg Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại han, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Bức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Tran Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bác truyền, hoặc có một phân của nhau, nhimg không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ

thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối vơi Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

XX KINH TIÊU BỒ

Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tản tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bi, đông thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập? Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pali cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn câu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đông bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiêp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an

nhẫn, kiên đinh, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo uvăn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tang Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đên hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vi Tôn đức dịch giả và hiện tiên chư Tôn đức Giáo phàm chứng minh. Thành tâm hôi hướng công dức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 — DL.2019 Hòa thương THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIÊNG PALI

A. Añguttara Nikāya (Kỉnh Tăng chỉ bộ)
AA. Añguttara Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Tăng chi bộ)
Áp, Apadāna (Thánh nhân ky sự)
ÁpA, Apadāna Atthakathā (Chú giải Thảnh nhân ky sự)
Asi Atthasālinī (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chú giải Phật sử)
CNid. Cūlaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. Cūlaniddesa Atthakathā
(Chủ giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải)
Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)
Cvs, Cūlavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikāya (Kinh Trường bô)
DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trường bộ)
Dh Dhammapada (Kinh Pháp cu)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kinh Pháp củ)
Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)

Gāt. Gāthā (Therā và Therī)'. Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ
It. Itivuttaka (Kinh Phật thuyết như vây)
ItA. Itivuttaka Atthakathā (Chủ giải Kinh Phật thuyết như vậy)
J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)
Kh. Khuddakapātha (Tiểu tụng)
xxiv KINH TIẾU Bộ

Kkvt. Kañkhāvitaram (Giải nghí) Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm di biệt) M. Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trung bọ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan) Mhvs, Mahāvamsa (Đại sử) Miln, Milindapañha (Mi-tien vân đáp / Milinda vân đạo) MNid. Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahāniddesa A tthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikāya Tīkā (Phụ chủ giải Kinh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích /Diễn giải) NỉdA. Niddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chủ thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA, Patisambhidāmagga Atthakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chủ giải Phân tích đạo) Pug. Puggalapañňatti (Nhân thi thiết) ĩ PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chú giải Nhân thi thief) Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự / Chuyện Nga quỷ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Nga quỷ sự/ Chủ giải Chuyện Nga quỹ) S. Samyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ) SA, Samyutta Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ) Sn. Suttanipāta (Kinh tập) SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsiñī (Chủ giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ) Thīg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)

BẢNG VIẾT TẮT « XXV

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udāna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udāna Atthakathā
(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA, Vỉnaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Visuddhimagga (Thanh tinh đạo)
Vv. Vimānavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
VvA. Vỉmānavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự/ Chú giải Chuyện Thiên cung) r

Yam. Yamaka (Song đôi)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)

Mhvu, Mahāvastu (Đại sự) r

MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàrỉ)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmeses crip t Buddhasāsana Samiti edition of the Mcyjhima Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, Nxb. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BL Buddhist India (Phật giáo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chú giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bô)

xxvi KINH TIÊU Bộ

KS. Kindred Sayings (Kỉnh Tương ưng bộ) MB. A Manual of Buddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS, Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM, Questions ofKing Milinda (Milinda vấn đạo) PC Points of Controversy (Những điểm di biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giảo) SBE. The Sacred Books of the East (Thảnh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT/ĐạỉyT. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()

N. Nam truyền Đại tạng()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()

Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm kỉnh (,Ekottarikāgama)

Tạp./ SẢ. Tạp A-hàm kinh (,Samyuktāgama)

Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgama)

Trường./DÃ. Trường A-hàm (,Dĩrghãgamă)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điên Phật giảo) EPD English-Pali Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giảo và Đạo đức) PED. Pāli-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh)

BẢNG VIẾT TẮT xxvii

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chỉ Hội Thảnh

điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A chảu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn Nxb. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư _ ITI* Á _ _p se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(V.V...) f./ ff. (following pages) trang kê tiêp / các trang kê tiêp ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./pp. (page/ pages) trang / các trang tr.(by) dịch bởi

xxviii KINH TIỂU Bộ

trans, (franslation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyển / các tập, các quyển

TỔNG QUAN KINH TIỂU Bồ

1. Khái niệm uKinh Tiểu b “Kinh Tiểu bộ" Khuddaka Nikãya,dịch sát nghĩa là "Hợp tuyển các tập kỉnh ngăn " The Collection ofLittle Texts, Minor Collection, là tuyên tập nikāya điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pali Sutta Pitaka,ciỉa Phật giáo Thượng Tọa bộ , còn gọi là Phật giáo Nam truyền hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền .Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngăn vê chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sông và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập. Từ "KhuddakcT trong tiếng Pali có nghĩa là "tiểu”hay "tạp”, tương đương trong tiếng Sanskrit là "Ksudrakay Trong văn học Hán tạng, chữ "Nikāyef" thường được phiên âm là "Ni-kha-da",tương đương với từ "Āgamā" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "Ah*m"ho/c "A-cấp-ma". Cụm từ "Khuddaka NikãycT được phiên âm trong Hán ngữ là aKhuất-đà-ca Ni-kha-da".Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa gọi Tiểu bộ kinh là "Khuất-đà-ca kinh".1 Bộ tương đương với Khuất-đà-ca kỉnh gọi là "Khuất.dàgià A-hàm".Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "Khuddaka Nỉkâycỉ' trong tiếng Pali và từ tương đương ^Ksudraka Āgamc^ trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là "Tiểu Ni-kha-da",trong đó “tiểu" c6 nghĩa là nhỏ, "Ni-kha- da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập Buddhajīva và Trúc Đạo Sinh trong Ngũ phần luật gọi là "Tạp tạng",2 còn Ngài Huyền Trang dịch là "Tạp loại X-cấp-ma” .3

1 Xem 724, 1462.1. 0675Ò19-20:

KI

2 Dỉ-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngữ phần luật ()(7.22. 1421.30. 0191a24) ghi:

T

;, 3 Xem Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ kỷ (7.49. 2030.0014006):;&,

XXX KINH TIÊU BỘ

về từ nguyên, "Nikãyổ" có nghĩa là: Giáo phái (school), bộ phái (,sect), (ii) Đoan thể (,body, assembly), nhóm (,group)^ (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (collection)^ Trong ngữ cảnh văn học Pali, "Nikãyà" được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (collection of Buddhist suttas). Theo từ điển Pali-English Dictionary, tựa đe Kỉnh Tiểu bộ phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh 56 Theo tác phẩm Chủ giải Tiểu tụng (Paramatthajotika). tựa đề Kỉnh Tiểu Pali.4 bộ là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.7 Phật Quang đại từ điển cho rằng: "Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là Kinh Tiểu bộ vì tuyên tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bôn bộ kinh Pali gồm Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ, Kinh Tương ưng bộ và Kỉnh Tăng chỉ bộ thành các bài kinh ngắn.^8 Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong Kỉnh Tiểu bộ hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản Mỉlỉnda vấn đạo (trong ấn bản TTTĐPGVN này) của Kỉnh Tiểu bộ là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pali, và chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.9 Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của Kinh Tiểu bộ trong văn học Kinh tạng Pâli. 2. Thể tài văn học của Kinh Tiểu bộ về thể loại, Kinh Tiểu bộ là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (,miscellaneous collection) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (gāthā,verse). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc. Các tập kinh trong Kinh Tiểu bộ có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

4 Xem mục từ "Nikdyd' trong Từ điển Pali - ()của Bhikkhu Mahāñāno, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp ()hiệu đính. 5 Xem mục từ "Nikãyd' trong từ điển Pãỉi-English Dictionary của Hội Thánh điển Pali (Pali Text Society) và tương tự mục từ "Nikāyd' trong từ điển Concise Pali-English Dictionary của A. p. Buddhadatta Mahathera, tr. 170. 6 Nguyên tác: "The name Khuddaka Nikāya is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikyas." The Anagatavamsa ựPTS. 1886), p. 35; The Gandhavamsa 1886)p. 57. 7 Xem H. Smith, (ed.), The Khuddaka-Pātha Together with Its Commentary Paramatthajotikā I (London: PTS, 1915), p. 12. tNẹuyêntác: / 9 Hkakawa
Akira, A History ofIndian Buddhism, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: Tt has been suggested that the Khuddaka Nikāya was the repository for materials that were left out of the four Nikāyas (the Dīghā Nikāya, Majjhimā Nikāya, Sarnyutta Nikāya and Añguttara Nikāya) and thus included both early and late texts.^

1 i h l 'C 9 Q , . f là Tiêu tụng, chưa đây 10 trang Pâli trong ân bản của PTS, trong khi Chuyện Tiền thân với 547 câu chuyện, có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhimg cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pãli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vỉ trí của Kinh Tiểu bộ trong các thể tài kỉnh Tam tạng Pali Tipitakd phân loại 9 thể tài kinh,10 vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 the tài kinh S. dvādaśāñga-dharma-pravacand.11* vốn bắt nguồn từ Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự 12 và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ ,s. Dharmaguptaka, Hóa Địa bộ s. Mahīśāsaka, p. Mahisāsaka và Đại Chúng bS Mahāsamghika, p. Mahāsañghika. Thứ tự về 9 thể tài kinh13 và 12 thể tài kinh14 được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau: 1. Kinh S. Sūtra, p. Sutto hoặc Khế kinh ,hay Trường hàng phiên âm là Tu-đa-la chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng. 2. Trùng tụng s. Geya, p. Geyya còn dịch là ứng tụng , phiên âm là Kỳ-dạ ,loại kệ tụng có nhiêu câu được lặp lại.

10 Còn gọi là 9 phần giáo (),9 bộ kinh ();9 bộ pháp (),9 kinh ().Tham chiếu danh mục chín thể tm kinh trong Phật Quang đại từ điển'. 11 Còn gọi là thập nhị bộ kinh (),thập nhị phần giáo (),thập nhị phần Thánh giáo (),thập nhị phần kinh (W).Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong Phật Quang đại từ điên', https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: Thanh tỉnh (roi. ÕÕ01.17. 0074bl9-23); ít(r.02. 0125.49.1. Đại trí đô'luân ®W~(T.25. 1509.33. 0306cl7-19): , í, ,Cách dụng ngữ khòng chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiêu độc giả khi chưa hiểu bản chất cua 9 hoặc 12 thể loại van học. 0.24. 1451.38. 0398C25-27):, Ma-haTang-ky(r.22. 1425.1. 0227bll):, j,, 2 . Tgt tư trong Luật tạng Pā/z như sau:):tí:,, ,:ểim :,SWawMTa 7 14 B (T.02. 0099.1138. 0300c05): ftezi•?, :,;wim MX : Tư phạn 0 (r^/i428. l 0569b03)f • :,:,, ?,Trong Ngữ phan (72Z 1421.1 0001025): Xĩ lặ,;,,,

3. Ký thuyết ,s. Vyākarana, p. Veyyākarana còn gọi là Thọ ký ,phiên âm là Hoa-già-la-na hay Hòa-già-la-na ,bao gôm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai. 4. Kệ-đà S=P Gāthā thường dịch là Phúng tụng hay Ký chú ,gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước. 5. Tự thuyết ,S=P Udānă còn gọi là Vô vấn tự thuyết hoặc Tán thán kinh

,phiên âm là Ưu-đà-na ,gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu. 6. Nhân duyên ,S Nidāna còn dịch là Quảng thuyết ,phiên âm là Ni-đà-na g, gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp. 7. Thí dụ ,s. Avadāna còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh T,phiên âm là A-ba-đà-na ,gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn. 8. Như thi ngữ s. Itỉvrttaka, p. Itỉvuttakă còn gọi là Bổn sự kinh phiên âm là Y-đế-mục-đa-già gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai. 9. Bổn sanh kinh S=P Jātaka, phiên âm là XXdà-già gôm các bài kinh nói vê tiên thân của đức Phật Thích-ca. 10. Phương quảng còn gọi là Phương đẳng s. Vaipulya, p. Vedalld hoặc Quảng kinh ,phiên âm là Tỳ-phật-lược ,gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đôi, giảng giải, triên khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ. 11. Vị tằng hữu 9 S. Adbhutadharma, p. Abbhutadhammă còn gọi là Hy phqp ,phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma ,gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được. 12. Luận nghi s. Upadeśa còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh ,phiên âm là Ưu-ba-đề-xá ,gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học. Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pali gồm có: l, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại "Nhân duyen99 thứ 6, "Thí dq" thứ 7 và "Luận nghị,, thứ 12 như trong văn học Phật giáo Đại thừa. Kình Vỉ dụ con rar^. số 22, trong Kinh Trung bộ và một số kinh khác trong Tăng chỉ bộ, Luật tạng và Luận tạng đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh Sutto, ứng tụng Geyya, Ký thuyết Veyyākaranā. Kệ tụng Gāthā. Cảm hứng ngữ {Vdāna. Như thị ngữ Itivuttaka, Bổn sanh ụataka. Vị tằng hữu pháp {Abbhutadhammā . Phương quảng Vedalla}515

15 Xem A. II. 6, 103, 177; Vịn. m. 8; Pug. 43.

TỔNG QUAN KINH TIÊU BỘ xxxiii

CÓ thể nói, văn học Kinh Tiểu bộ bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học "Nhân duyên9\ "Thí d\T" va "Luân nghi" tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pâli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng đinh rằng 16 tập trong Kinh Tiểu bộ có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa. 4. Niên đại và tác giả của Kinh Tiểu bộ Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa Kinh Tiểu bộ vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pâli. ở chừng mực nào đó5 Kỉnh Tiểu bộ của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiêu tạng (Khuddaka Pitakă)}6 Dựa vào văn bản học, chúng ta có thê truy nguyên niên đại của Kinh Tiêu bộ gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.17 Sáu tuyển tập của Kinh Tiểu bộ được ra đời trong giai đoạn đầu gồm Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vây, Kỉnh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ. Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm Chuyện Thiên cung, Chuyện Nga quỷ, Diễn giải (Nghĩa thích), Phân tích đạo {Vo ngại giải đạo). Thánh nhân ky sự, Phật sử̉f Hạnh

tạng, Tiểu tụng và sau nhất là Milinda vấn đạo. Riêng Chuyện Tiền thân có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau. Vê niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho răng Kinh Tiêu bộ được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.18 Kỉnh Tiểu bộ được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (The Third Buddhist Council) vào thế kỷ III TTL tại Pātaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.19 Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh Pali55 (pañcanekāyika) trên các chỉ dụ vào thế kỷ IIITTL, gián tiếp chứng minh rằng Kinh Tiểu bộ ra đời vào thế kỷ III TTL.20*

16 Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, A History ofIndian Buddhism, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsamghika included a Khuddaka Pitaka in their canons, the Khuddaka Nikāya of the Theravāda school is the only extant example of such a Khuddaka Pitaka. 17 Giáo sư Oliver Abeynayake, Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikãyd' (Phân tích phương diện lịch sử và vắn bản của Kinh Tiểu bộ) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận diễm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: 4<The Khuddaka Nikāya can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts Sutta Nipāta, Itivuttaka, Dhammapadaṃ Theñgāthā, Theragāthã, Udāna and Jātaka belong to the early stratum and the texts Khuddakapātha, Vìmānavatthu, Petavaiíhu, Niddesa, Patisambhida, Apadānaṃ Buddhavarnsa and Cariyapitaka can be categorized in the later stratum." 18 Xem Oliver Abeynayaka, A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116. 19 Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism (Handbuch Der Orientalĩstik) (Leiden: Brill, 1998), p. 45. 20 Xem T. w. Rhys Davids, Buddhist India (London: G. p. Putnam's Sons, 1903), p. 168.

Vê tác giả, phân lớn các học giả Phật giáo Nam truyên đêu cho răng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 1821 do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nêu bốn bộ kinh điên Pali là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc Kinh Tiểu bộ do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết ging hoặc biên tập.22 Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của Kinh Tiêu bộ rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tạp.2324 5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc Kinh Tiểu bộ Có bốn phân loại chính về Kinh Tiểu bộ: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo Thiện Kiến luật Ty-ba-sa ()quyển l, Kinh Tiêu bộ chỉ có 14 tập, không bao gom Tiểu tụng (Khuddakapātha,).24 Căn cứ theo Chú giải Luật tạng (Samantapāsādika) bản Pâli? cũng như lời tựa của bản Chủ giải Kinh Trường bộ (Sumañgalavilāsinī) bản Pali, do có bổ sung Tiểu tụng nên Kinh Tiểu bộ gôm có 15 tập.2526 số lượng tuyển tập nay tương

ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan ().Theo Etienne Lamotte,
Kinh Tiểu bộ gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhát có đầy đủ Kỉnh Tiểu bọ}6 Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong Chú giải Kinh Trường bộ do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ v, các nhà đọc tụng Kỉnh Trường bộ (Dīgha-bhānaka f)chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong
Kinh Tiểu bộ. trong khi các nhà đọc tụng Kinh Trung bộ {Majjhima-bhānaka,)liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong

21 Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, Tiểu bộ có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là Chỉ đạo luận hay còn gọi là Carn nang học Phật (Nettipakarana) và tập 17 là Tạng thích hay còn gọi là Chu thích Kinh tạng(Petakopadesa). 22 Xem Oliver Abeynayaka, A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "ít is believed that the first four Nikāyas contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the Khuddaka Nikāya are compositions of the disciples.^, 23 Xem A. K. Warder, Indian Buddhism (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03. 24 Thiện Kiến luật Ty-ba-sa ^(T.04. 1462.1 O676aO7-lQ):. ;:; ,:
25 Tác phẩm Samantapãsãdikã, còn có tên khác là Pārājikakanda-atthakathā (pathamo bhāgo). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: uKhuddakapātha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta- vimānavattiiu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-patisambhidā-apadāna-buddhavamsa-cariyāpitakavasena pannarasappabhedo khuddakanikāyoti.„ Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem Nhất thiết Thiện Kiến luật chủ tự (#.70. 0036.1.0019a06-08): ES;';.ế
,Trong đoạn này cũng có sự nhâm lân nhỏ, dịch
giả xưa đã thêm "Tiêu kinh"()vào danh sách Kinh Tiểu bộ này, và gộp "Trưởng lão Tăng kệ' và ^Trưởng lão Ni kệ' thành một. 26 Étienne Lamotte, (1956) "Problèmes Concemant les Textes Canoniques Mineurs' Journal Asiatique, số 244, tr. 249-64. '

Kinh Tiểu bộ. Bản Chủ giải Luật tạng (Samantapãsãdikã)2728 giới thiệu Kỉnh 29 Tiểu bộ gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm Atthasālinī. bản Chủ giải A-tỳ-đạt-mcP^ đê cập chỉ có 14 bản văn, không có Tiêu tụng (Khuddakapātha)^ Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pâli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của Kinh Tiêu bộ, Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong Kinh Tiểu bộ là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng Kinh Trường bộ và Kinh Trung bộ có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng Kinh Trường bộ đề cập đen việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ Tiểu tụng, Thánh nhân kỷ sựf Phật sử và Hạnh tạng). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản vẩntnrớc.30 Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, Kinh Tiểu bộ có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gom "Chí đạo luân" hay còn gọi là “Cẩm nang học PhậC {Nettippakarana,)và "Tạng thich^ hay "Giải thích kinh"

{Petakopadesa.).Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập Milindapañha {Milỉnda vấn đạo), tức bản tiếng Hán "Di-lan vương vấn"()hay Dỉ-lan-đà vấn ()nên
Kinh Tiểu bộ của Miến Điện gồm 18 tập.31 Ấn bản Kinh Tiểu bộ gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật ệiáo lần thứ 5 (Pañcamasamgāyanā, The Fifth Buddhist Council) tại thành pho Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.32 Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (Chattha Sañgāyana, The Sixth Buddhist Council) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành pho Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pali được thong nhất một lần nữa, từ đó Chattha Sañgāyana Tipitaka (CST) chính thức ra đời, và Kinh rrf a 7 9 _r io _ _

Tiêu bộ cũng co 18 tạp.

27 J. Takakusu and M. Nagai (eds.), Samantapāsādikā'. Buddhaghosas Commentary on the Vinaya Pitaka, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15. 28 Edward Miiller (ed.), The Atthasālinī'. Buddhaghosa s Commentary on the Dhammasañgim (London: PTS, 1979), p. 26. 29 Xem Oskar von Hinuber, A Handbook ofPali Literature (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42. 30 Tham chiếu: T. w. Rhys Davids, J. E. Carpenter and w. Stede (eds.), The Sumañgalavilāsinī\ Buddhaghosa s Commentary on the Dīghā Nikāya, vol. L (London: PTS, 1886-1932), p. 15. 31 Trong tác phẩm An Introduction to Pali Literature (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, s. c. Baneiji cho rằng: "KMī Tiểu bô theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) Milindapañha^ 2) Suttasarngaha, 3) Petakopadesa, 4) Netti hay Nettipakarana^ Phật đại từ điển cũng cho rang ấn bản Kinh Tiểu bộ của Phật giao Miến Diễn gồm có 19 ÍỊp ( ),tưc la tính thêm bộ Suttasamgaha ().Tham chiếu tại đương dẫn: http://buddhaspace.org/dict/ fkÁíata/(truy cậpngày 13/01/2Ó21). 32 Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, Sangha and State in Burma (Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ÍÎ.

xxxvi > KINH TIỂU BÔ

Tựa tiếng Việt, Pali, Hán Tiếng Anh Ấn bản
PTS, Tích
The Short Lan, Thái Lan,
1 Tiểu tụng Khuddakapātha,
Passages Miến Điện,
CST, CBETA
2 Kỉnh Pháp củ Dhammapadaṃ Verses on Dhammā -nt -

3 Kỉnh Phật tự thuyết Udānaṃ Inspired Utterances -nt -

4 Kỉnh Phật thuyết như vậy
Thus It Was Said -nt -
v7
Group of

5 Kinh tập Suttanipāta. -nt -
Discourses
6 Chuyện Thiên cung Stories ofHeavenly -nt -
Viinānavatthu, Abodes
Stories ofHungry Chuyện Nga quỷ Petavatthu, -nt - Ghosts

Verses of the Male
8 Trưởng lão Tăng kệ Theragāthā, -nt -
Elders
Verses of the
9 Trưởng lão Nike Therīgāthā, -nt -
Female Elders
10 Chuyện Tiền thân ựātaka. Birth Stories -nt -

11 Diễn giải Niddesa. Exposition -nt -

12 Phân tích đạo Way ofAnalysis -nt - Patỉsambhỉdâmagga,

13 Thảnh nhăn kỷ sự Apadānaṃ Legends -nt -

Lineage of the 14 Phật sử Buddhavamsa. -nt - Buddhas

15 Hạnh tạng Cariyāpitaka, Basket of Conduct -nt -

PTS, Tích 16 Chỉ đạo luận Nettipakarana, The Guide Lan, Miến Điện và CST.

TỒNG QUAN KINH TIÊU BỘ xxxvii

PTS, Tích (17) Tạng thích (Petakopadesa.) Pitaka Disclosure Lan, Miến Điện và CST

(18) Mỉỉinda vấn đạo Questions of PTS, Miến (Milindapañha,) Milinda Điện và CST.

Ke thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản Kinh Tiểu bộ của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản Kinh Tiểu bộ thuộc Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác Kinh Tiểu bộ Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm- Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda. (1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: Tiểu tụng, Kinh Pháp CÚ, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệf Trưởng lão Ni kẹ và 120 câu chuyện đầu của Chuyện Tiền thân. Đối với Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ. Hòa thượng dựa vào bản Chủ giải (Atthakathā) của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "Psalms of the Early BuddhỉsC do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (Psalms of the Sisters) và 1913 (Psalms of the Brethren). (2) Cư sĩ Nguyen Tam- Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập Chuyện Thiên cung (Thiên cung sự), Chuyện Nga quỷ (Nga quỷ sự) và 427 câu chuyện tiên thân còn lại từ nguyên tác tiêng Anh, von được

dịch từ Chú giải. về bản dịch Chuyện Thiên cung và Chuyện Nga quỷ. dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Petā Vatthu: Stories of the Departed của Jean Kennedy và Henry s. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bấn năm 1942. Tập Chuyện Tiền thân đức Phật (Bổn sanh) gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, w. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B* Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bằn năm 1895. Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyen Tâm Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pali của Hội PTS ấn hành, khá khớp với phiên bản CST, do đó, Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong

xxxviii kinhtiểubộ

tập Chuyện Tiền thân của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn c6, để giữ được tính thi ca trong văn học Pali, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót. (3) Vi thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pali này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.33 Đối với Kinh tạng của bộ TTTĐPGVN này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: Diễn giải (Đại diễn giải và Tiểu diễn giải). Phăn tích đạo, Thảnh nhân ky sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milỉnda vấn đạo. Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pâli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả. Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam.

Cẩn chí,
Mùa An cư PL. 2565 -DL. 2021
TT.TS. Thích Nhật Từ
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)
33 Xem các bản dịch Tam tạng Pâli- Việt của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center),

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV BẢNG VIẾT TẮT.....XXV TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ..... xxxi

THÁNH NHÂN KÝ sự TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 3 PHẦN THỨ NHẤT..... 7 L PHẨM ĐỨC PHẬT..... 7 A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ

sự..... 7 B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ sự..... 13 C. TRƯỞNG LÃO KÝ sự.....19 1. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA..... 19 2. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀMOGGALLĀNA ..... 33 3. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA..... 35 4. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA..... 36 5. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNA..... 37 6. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀLI..... 38 7. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKONDAÑÑA..... 47 8. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PINDOLABHĀRADVĀJA..... 48 9. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYAREVATA..... 49 10. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA..... 51 II. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA..... 53 11. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA..... 53 12. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA 54

13. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDĀ..... 55 14. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA..... 55 15. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA..... 56 16. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RĀHULA..... 57 17. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPASENA..... 58 18. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTHAPĀLA..... 59 19. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA..... 60 20. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA..... 61 III. PHẨM SUBHŪTI..... 63 21. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHŪTI..... 63 22. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA..... 66 23. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 70 24. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA ..... 71 25. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSĀVAKA ..... 73 26. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHŪPADĀYAKA ..... 73 27. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA ..... 74 28. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA..... 74 29. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIKA..... 75 30. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHOMADĀYAKA..... 75 IV. PHẨM KUNDADHĀNA ..... 77 31. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUNDADHĀNA ..... 77 32. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀGATA..... 78 33. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA ..... 79 34. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀLUDĀYĪ..... 80 35. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA..... 81 36. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

ADHIMUTTA..... 82 37. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LASUNADĀYAKA..... 83 38. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀYĀGADĀYAKA ..... 83 39. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA ..... 84 40. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA..... 84 V. PHẨM UPĀLI..... 86 41. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYA-UPĀLI ..... 86 42. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIKANNA 87

43. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀLIGODHĀPUTTABHADDIYA..... 89 44. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SANNITTHĀPAKA ..... 90 45. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA..... 91 46. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA ..... 91 47. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA ..... 92 48. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAÑKAMADĀYAKA ..... 92 49. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA..... 93 50. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CUNDA..... 94 VI. PHẨM VĪJANĪ..... 97 51. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA ..... 97 52. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAMSIKA ..... 97 53. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA ..... 98 54. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA ..... 99 55. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA..... 99 56. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRĀSANA..... 100 57. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA..... 100 58. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA..... 101 59. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA..... 102 60. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA..... 103 VII. PHẨM SAKACINTANIYA..... 105 61. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA ..... 105 62. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA..... 105 63. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA ..... 106 64. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PARAPPASĀDAKA..... 106 65. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA..... 107 66. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA..... 108 67. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA ..... 108 68. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBADĀYAKA..... 109 69. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀ..... 109 70. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAÑGOTIYA ..... 110 VUI. PHẨM NĀGASAMĀLA..... 111 71. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGASAMĀLA..... 111 72. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA..... 111

73. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA.....Ill 74. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISĀLUVADĀYAKA.....112 75. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA ..... 112 76. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA.....113 77. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA..... 113 78. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀTALIPUPPHIYA .....114 79. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THITAÑJALIYA ..... 114 80. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA ..... 115 IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA..... 117 81. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA ..... 117 82. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA..... 117 83. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA ..... 118 84. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA ..... 118 85. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA..... 119 86. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAMSISAÑNAKA..... 119 87. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĂYAKA ..... 120 88. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA ..... 120 89. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA..... 120 90. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA ..... 121 X. PHẨM SUDHAPINDIYA..... 122 91. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPINDIYA..... 122 92. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA..... 122 93. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACELAKA..... ..... 123 94. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA..... 123 95. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMĀLIYA..... 124 96. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA..... 124 97. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPINDIKA..... 125 98. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SENĀSANADĀYAKA..... 125 99. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYĀVACCAKA ..... 126 100. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA..... ..... 126 XL PHẨM BHIKKHẢDẢYĨ.....128 101. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA ..... 128 102. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA 128

103. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI..... 129 104. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA.....129 105. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPUPPHIYA..... 130 106. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA ..... 130 107. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALAMĀLIYA ..... 131 108. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPATTHĀPAKA..... 131 109. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILĀLIDĀYAKA..... 132 110. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RENUPŪJAKA.....133 XII. PHẦM MAHĀPARIVĀRA..... 134 111. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA ..... 134 112. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

SUMAÑGALA..... 134 113. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 135 114. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA..... 136 115. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNAPUPPHIYA ..... 137 116. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA.....137 117. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA..... 138 118. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA..... 139 119. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPATTHĀNASAÑÑAKA..... 139 120. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA..... 140 XUI. PHẨM SEREYYAKA..... 142 121. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA..... 142 122. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA ..... 142 123. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA..... 144 124. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA ..... 144 125. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA .....145 126. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA..... 146 127. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA..... 147 128. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA .....148 129. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA .....148 130. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA..... 149 XIV. PHẨM SOBHITA.....150 131. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA.....150 132. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA..... 150

133. KÝ sự VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA..... 151 134. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PƯPPHACHADANIYA..... 152 135. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA ..... 152 136. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA..... 153 137. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA..... 153 138. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĂDANIYA..... 154 139. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA..... 154 140. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA..... 155 XV. PHẨM CHATTA.....156 141. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA..... 156 142. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA..... 156 143. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKẢRAKA..... 157 144. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA ..... 157 145. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA..... 157 146. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA ..... 158 147. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA..... 158 148. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA..... 159 149. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATAMSAKIYA ..... 159 150. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAÑKADĀYAKA ..... 160 XVL PHẨM BANDHUJĪVAKA..... 161 151. KÝ Sự

VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA..... 161 152. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA .. .. 161 153. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA ..... 162 154. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA..... 162 155. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA ..... 163 156. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA ..... 163 157. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKA ..... 164 158. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA ..... 164 159. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA ..... 165 160. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA..... 165 XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA..... 167 161. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA..... 167 162. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANAVERAPUPPHIYA 167

163. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA ..... 168 164. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA ..... 168 165. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRACCHADANIYA ..... 169 166. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA..... 169 167. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA ..... 169 168. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA..... 170 169. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA..... 170 170. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAÑGULIYA ..... 171 xvm. PHẨM KUMUDA.....172 171. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA ..... 172 172. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NISSENIDĀYAKA..... 172 173. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA..... 173 174. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA ..... 173 175. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA..... 174 176. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA ..... 174 177. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA..... 174 178. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA ..... 175 179. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA..... 175 180. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAÑGHUPATTHĀKA.....176 XIX. PHẨM KUTAJAPUPPHIYA.....177 181. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA .....177 182. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA.....177 183. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOTUMBARIYA .....178 184. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA..... 178 185. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA..... 179 186. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHLUPATTHĀKA..... 179 187. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA..... 180 188. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANNIPUPPHIYA..... 180 189. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA..... 181 190. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

TIVANTIPUPPHIYA ..... 181 XX. PHẨM TAMÃLAPUPPHIYA..... 183 191. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMÃLAPUPPHIYA..... 183 192. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADÃYAKA..... 183

193. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHANDAPHULLIYA..... 184 194. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA ..... 184 195. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAKA..... 185 196. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA ..... 185 197. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADÃYAKA..... 186 198. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPŪJAKA ..... 186 199. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKANIPUPPHIYA..... 187 200. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKÃPUPPHIYA ..... 187 XXI. PHẨM KANIKÃRAPUPPHIYA..... 189 201. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKÃRAPUPPHIYA ..... 189 202. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA..... 189 203. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKINIKAPUPPHIYA ..... 190 204. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA ..... 190 205. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA..... 191 206. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADÃYAKA ..... 191 207. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMÃLIYA ..... 191 208. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA..... 192 209. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADÃYAKA..... 192 210. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VÃTÃTAPANIVÃRIYA .....193 XXII. PHẨM HATTHI.....194 211. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDÃYAKA..... 194 212. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃNADHIDÃYAKA..... 194 213. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA ..... 195 214. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA ..... 195 215. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA..... 196 216. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SANTHITA..... 196 217. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TÃLAVANTADÃYAKA ..... 196 218. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA..... 197 219. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDÃYAKA..... 197 220. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃPANIVÃRIYA ..... 198 XXIII. PHẨM ÃLAMBANADÃYAKA..... 199 221. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADÃYAKA ..... 199 222. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADÃYAKA 199

223. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA ..... 200 224. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADÃYAKA..... 200 225. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVYÃDHIKA..... 201 226. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

AÑKOLAPUPPHIYA..... 201 227. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOVANNAVATAMSAKIYA..... 202 228. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVATAMSAKIYA ..... 202 229. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA ..... 202 230. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA ..... 203 XXIV. PHẨM UDAKĀSANA..... 204 231. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA..... 204 232. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA ..... 204 233. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA ..... 205 234. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA..... 205 235. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA..... 205 236. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LAO VANN ĀKĀRĀ ..... 206 237. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA..... 206 238. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA ..... 207 239. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA ..... 207 240. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA..... 207 XXV. PHẨM TUVARADĀYAKA..... 209 241. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA ..... 209 242. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA ..... 209 243. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALINAKESARIYA..... 209 244. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CỐC VÂN NAM..... 210 245. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTIDHŪPAKA ..... 210 246. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO PATTADĀYAKA..... 211 247. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA..... 211 248. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA..... 211 249. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA..... 212 250. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA..... 212 XXVI. PHẨM THOMAKA..... 213 251. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA..... 213 252. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA..... 213

253. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 214 254. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA..... 214 255. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀTALIYA ..... 214 256. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA ..... 215 257. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA ..... 215 258. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA ..... 215 259. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTIDĀYAKA ..... 216 260. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA..... 216 XXVIL PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA..... 218 261. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA ..... 218 262. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA..... 218 263. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACANDIYA ..... 219 264. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA..... 219 265. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

BILĀLIDĀYAKA..... 219 266. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA ..... 220 267. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA..... 220 268. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA..... 220 269. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA ..... 221 270. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA..... 221 XXVIII. PHẨM SUVANNABIMBOHANA..... 223 271. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNABIMBOHANIYA..... 223 272. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUTTHIDĀYAKA ..... 223 273. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAÑGOTAKIYA..... 224 274. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA..... 224 275. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA..... 224 276. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA ..... 225 277. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 225 278. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA..... 226 279. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUNDARĪKA ..... 226 280. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANĪYA..... 226 XXIX. PHẨM PANNADĀYAKA.....228 281. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA ..... 228 282. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA 228

283. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA..... 229 284. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA ..... 229 285. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA..... 230 286. KÝ Sự VỀ TRƯỜNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA ..... 230 287. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA..... 230 288. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA ..... 231 289. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA..... 231 290. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAÑGAMIYA..... 232 XXX. PHẨM CITAKAPŪJAKA..... .233 291. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 233 292. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHĀRAKA..... 233 293. KÝ Sự VỀ TRƯỜNG LÃO CHATTADĀYAKA..... 234 294. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA..... 234 295. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA..... 235 296. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA..... 235 297. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA..... 235 298. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... ..... 236 299. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA..... 236 300. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANUSAMSĀVAKA ..... 237 XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA..... 238 301. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA..... 238 302. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA ..... 238 303. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

PARAMANNADĀYAKA..... 239 304. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA..... 239 305. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA..... 240 306. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASĀDAKA..... 240 307. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRĀMADĀYAKA..... 241 308. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA ..... 241 309. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA..... 242 310. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHĀRADĀYAKA ..... 242 XXXII. PHẨM ĀRAKKHADẢYAKA..... 244 311. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA..... 244 312. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA 244

l KINH TIỂU Bộ

313. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA..... 245 314. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA..... 245 315. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHĀSANADĀYAKA..... 246 316. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANATTHAVIKA..... 246 317. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA..... 247 318. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIRAMSIYA..... 247 319. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA ..... 248 320. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA ..... 248 xxxin. PHẨM UMMĀPUPPHIYA..... 250 321. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA..... 250 322. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA ..... 250 323. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA ..... 251 324. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA..... 251 325. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA..... 252 326. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSĀVAKA ..... 253 327. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA..... 253 328. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA..... 255 329. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA ..... 256 330. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRACHATTADĀYAKA..... 256 XXXIV. PHẨM GANDHADHŪPIYA..... 259 331. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA..... 259 332. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA ..... 259 333. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA..... 260 334. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA..... 260 335. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA ..... 262 336. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABHAÑKARA ..... 263 337. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAKUTIDĀYAKA ..... 264 338. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADĀYAKA ..... 265 339. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVANIYA..... 267 340. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA..... 268 XXXV. PHẨM EKAPADUMIYA..... 270 341. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

EKAPADUMIYA ..... 270 342. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA..... 271

343. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA..... 271 344. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKJÑKINIPŪJAKA..... 272 345. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALĀGĀRIKA..... 272 346. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA..... 273 347. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA..... 273 348. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA ..... 274 349. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO TINDUKAPHALADĀYAKA ..... 275 350. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA..... 275 XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA ..... 276 351. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA..... 276 352. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAVAKALĀPIYA ..... 276 353. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPŪJAKA ..... 277 354. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKOTAKAKORANDADĀYAKA ..... 277 355. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA ..... 277 356. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGUDĀYAKA ..... 278 357. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPUTAKAPŪJAKA..... 278 358. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA..... 279 359. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 279 360. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PINDAPĀTIKA ..... 279 XXXVII. PHẨM MANDĀRAVAPUPPHIYA..... 281 361. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĂRAVAPUPPHIYA ..... 281 362. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPUPPHIYA ..... 281 363. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISAMULĀLADĀYAKA..... 282 364. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA..... 282 365. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA..... 282 366. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA..... 283 367. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLAPUPPHIYA..... 283 368. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA ..... 283 369. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA ..... 284 370. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA..... 284 xxxvni. PHẨM BODHIVANDAKA..... 286 371. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA ..... 286 372. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀTALIPUPPHIYA 286

373. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA..... 287 374. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA ..... 287 375. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPANNIYA ..... 288 376. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUTTHIYA..... 288 377. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 289 378. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

SUMANATĀLAVANTIYA..... 289 379. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADĀMIYA ..... 290 380. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA ..... 290 XXXIX. PHẨM AVANTAPHALA..... 292 381. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALADĀYAKA..... 292 382. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA..... 292 383. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADĂYAKA ..... 293 384. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA..... 293 385. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHĀRUSAPHALADĀYAKA..... 294 386. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADĀYAKA..... 294 387. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADĀYAKA ..... 295 388. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO PANASAPHALADĀYAKA..... 295 389. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIVĪSA ..... 296 390. KÝ Sự VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBĐAKAMMAPILOTIKA 297 XL. PHẨM PILINDIVACCHA..... 300 391. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA..... 300 392. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SELA..... 313 393. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA..... 319 394. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDĀYAKA..... 321 395. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKŪTĀGĀRIYA ..... 323 396. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BAKKULA..... 325 397. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIMĀNANDA..... 327 398. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMANDAPIYA..... 329 399. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADĀYAKA..... 330 400. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA..... 331 XLI. PHẨM METTEYYA..... 335 401. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA ..... 335 402. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNAKA..... 337

403. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ..... 338 404. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA..... 339 405. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA..... 341 406. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA..... 345 407. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA..... 346 408. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA..... 349 409. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKANNI..... 352 410. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA..... 355 XLII. PHẨM BHADDĀLI..... 360 411. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI..... 360 412. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA..... 362 413. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKACHADANIYA ..... 365 414. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAMSADĀYAKA..... 367 415. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA ..... 368 416. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA..... 368 417. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

UCCHAÑGAPUPPHIYA..... 369 418. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA ..... 370 419. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA..... 371 420. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA..... 372 XLIII. PHẨM SAKIMSAMMAJJAKA..... ..... 374 421. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIMSAMMAJJAKA ..... 374 422. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA..... 375 423. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA..... 376 424. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA ..... 378 425. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA..... 378 426. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA..... 379 427. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVANIYA .....380 428. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA..... 381 429. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKIÑKANIYA..... 384 430. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKONTARIKA..... 385 XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĨ..... 387 431. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĂRIYA ..... 387 432. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA 388

433. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀTIHĪRASAÑÑAKA..... 389 434. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA..... 389 435. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHANDIKA ..... 390 436. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA..... 391 437. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀTAKADĀYAKA ..... 391 438. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA..... 391 439. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA..... 392 440. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA.....393 XLV. PHẨM VIBHĪTAKA..... 395 441. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪTAKAMIÑJIYA..... 395 442. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA..... 395 443. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA..... 396 444. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA..... 396 445. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA ..... 397 446. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀTAKIYA..... 398 447. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA..... 398 448. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪTHIYA ..... 399 449. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA..... 400 450. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA..... 400 XLVL PHẨM JAGATIDĀYAKA..... 402 451. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA..... 402 452. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA..... 402 453. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA..... 403 454. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UKKĀDHĀRAKA..... 403 455. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA ..... 404 456. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

VANAKORANDIYA ..... 404 457. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA..... 405 458. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JÃTIPUPPHIYA ..... 406 459. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA ..... 406 460. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO GANDHAPŪJAKA..... 407 XLVIL PHẨM SÃLAKUSUMIYA..... 408 461. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA ..... 408 462. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 408

463. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA ..... 409 464. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA..... 409 465. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA..... 410 466. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALIYA..... 410 467. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA..... 411 468. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĂYAKA ..... 411 469. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPATIBHĀNIYA ..... 412 470. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARANIYA ..... 413 XL VUI. PHẨM NALAMĀLĪ..... 415 471. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALAMĀLIYA ..... 415 472. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA ..... 415 473. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA..... 417 474. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA ..... 418 475. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA..... 419 476. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSATTHADĀYAKA ..... 419 477. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA ..... 419 478. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA ..... 420 479. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA..... 420 480. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAÑKAMIYA..... 422 XLIX. PHẨM PAMSUKŪLA..... 423 481. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLASAÑÑAKA..... 423 482. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA..... 423 483. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA..... 425 484. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA..... 426 485. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA ..... 428 486. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA..... 430 487. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA ..... 430 488. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA..... 433 489. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI..... 434 490. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA ..... 436 L PHẨM TIKIÑKANIPUPPHIYA..... 439 491. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKINKANIPUPPHIYA..... 439 492. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLAPŪJAKA..... 439

493. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA..... 440 494. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPUPPHIYA..... 441 495. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPADDHADUSSADĀYAKA ..... 441 496. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA.....442 497. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA ..... 443 498. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINATHŪPIYA..... .443 499. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAKUTIDĀYAKA ..... 446 500. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA..... 447 LI. PHẨM KANIKĀRA..... 448 501. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANIKĀRAPUPPHIYA..... 448 502. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADĀYAKA..... 451 503. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA .....451 504. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVATAPHALIYA..... 452 505. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA ..... 453 506. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MĀTULUÑGAPHALADĀYAKA..... 453 507. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADĀYAKA..... 454 508. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA ..... 454 509. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAPHALADĀYAKA..... 455 510. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀLIKERADĀYAKA ..... 455 LU. PHẨM PHALADẢYAKA..... 457 511. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA..... 457 512. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADĀYAKA ..... 457 513. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADĀYAKA ..... 458 514. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA ..... 458 515. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA ..... 459 516. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA..... 459 517. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA ..... 460 518. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA..... 461 519. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADĀYAKA ..... 461 520. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMADHĀRAKA..... 463 LIU. PHẨM TINADÃYAKA..... 465 521. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA..... 465 522. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA..... 466

523. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 466 524. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LAO ABBHAÑJANADĀYAKA..... 467 525. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPATADĂYAKA ..... .467 526. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA ..... 468 527. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA..... 468 528. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA..... 469 529. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMANDAPHALADĀYAKA..... 471 530. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SƯGANDHA..... 471 LIV. PHẨM

KACCĀNA..... 475 531. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA ..... 475 532. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI..... 477 533. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA..... 479 534. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA..... 482 535. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA..... 485 536. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BĀHIYA..... 487 537. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOTTHITA..... 490 538. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA..... 492 539. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RĀDHA..... 495 540. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA..... 497 LV. PHẨM BHADDIYA..... 500 541. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUNTAKABHADDIYA..... 500 542. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAÑKHĀREVATA..... 502 543. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALI..... 503 544. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAÑGĪSA..... 506 545. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA..... 509 546. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀLUDĀYI..... 511 547. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA..... 513 548. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAÑGIYA..... 515 549. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA..... 517 550. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CŪLASUGANDHA..... 518 LVL PHẨM YASA..... 522 551. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YASA..... 522 552. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA..... 524

553. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GAYĀKASSAPA ..... 524 554. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA..... 525 555. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA..... 525 556. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA..... 526 557. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC..... 528 558. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI..... 529 559. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA..... 530 D TRƯỞNG LÃO NI KỶ sự..... 531 I. PHẨM SUMEDHA ..... 531 1. KÝ Sự VỀ SUMEDHA..... 531 2. KÝ Sự VỀ MEKHALĀDĀYIKĀ ..... 532 3. KÝ Sự VỀ MANDAPADĀYIKĀ..... 533 4. KÝ Sự VỀ SAÑKAMANATTHĀ..... 533 5. KÝ Sự VỀ NALAMĀLIKĀ..... 534 6. KÝ Sự VỀ EKAPINDAPĀTADĀYIKĀ ..... 534 7. KÝ Sự VỀ KATACCHUBHIKKHĀDĀYIKĀ..... 535 8. KÝ Sự VỀ

SATTUPPALAMĀLIKĀ ..... 536 9. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPIKĀ..... 537 10. KÝ Sự VỀ UDAKADĀYIKĀ ..... 539 II. PHẨM MỘT LÀN TRAI GIỚI..... 541 11. KÝ Sự VỀ EKUPOSATHIKĀ..... 541 12. KÝ Sự VỀ SALALAPUPPHIKĀ..... 542 13. KÝ Sự VỀ MODAKADĀYIKĀ..... 543 14. KÝ Sự VỀ EKĀSANADĀYIKĀ..... 543 15. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ..... 545 16. KÝ Sự VỀ SĀLAMĀLIKĀ..... 546 17. KÝ Sự VỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ..... 547 18. KÝ Sự VỀ KHEMĀ..... 559 19. KÝ Sự VỀ UPPALAVANNĀ..... 565 20. KÝ Sự VỀ PATĀCĀRĀ..... 571 III. PHẨM KUNDALAKESĪ..... 575 21. KÝ Sự VỀ KUNDALAKESĀ..... 575 22. KÝ Sự VỀ KISĀGOTAMĪ..... 578

23. KÝ Sự VỀ DHAMMADINNĂ..... ..... 581 24. KÝ Sự VỀ SAKULĀ..... 583 25. KÝ Sự VỀ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA xứ sở..... 585 26. KÝ Sự VỀ SONĀ..... 589 27. KÝ Sự VỀ BHADDĀKĀPILĀNĪ..... 590 28. KÝ Sự VỀ YASODHARÃ..... 594 29. KÝ Sự VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI..... 599 30. KÝ Sự VỀ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI..... 600 IV. PHẨM SÁT-ĐẾ-LỴ..... 605 31. KÝ Sự VỀ CÁC TỲ-KHƯU-NI ĐỦNG ĐÀU LÀ YASAVATĪ..... 605 32. KÝ Sự VỀ CÁC VỊ TỲ-KHƯU-NI THIẾU NỮ BÀ-LA-MÔN..... 606 33. KÝ Sự VỀ UPPALADĀYIKĀ..... 609 34. KÝ Sự VỀ SIGĀLAMĀTĀ..... 610 35. KÝ Sự VỀ SUKKĀ..... 612 36. KÝ Sự VỀ RŪPĀNANDĀ..... 615 37. KÝ Sự VỀ ADDHAKĀSĪ..... 616 38. KÝ Sự VỀ PUNNĀ..... 617 39. KÝ Sự VỀ AMBAPĀLĪ..... 619 40. KÝ Sự VỀ PESALĀ..... 620

PHẬT SỬ TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 625 CON ĐƯỜNG KINH HÀNH BẢNG CHÂU BÁU..... 629 PHẦN NÓI VỀ SUMEDHA..... 637 1. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DĪPAÑKARA..... 651 2. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT

KONDAÑÑA..... 654 3. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT MANGALA..... 657 4. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMANĀ..... 660 5. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT REVATA..... 663 6. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SOBHITA..... 666 7. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ANOMADASSĪ..... 669 8. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMA..... 672 9. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT NĀRADA..... 675

10. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMUTTARA..... 678 11. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMEDHA..... 681 12. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUJĀTĀ..... 684 13. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PIYADASSĪ..... 688 14. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ATTHADASSĪ..... 691 15. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DHAMMADASSĪ..... 694 16. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIDDHATTHA ..... 697 17. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT TISSA..... 700 18. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PHUSSA..... 703 19. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VIPASSĪ..... 706 20. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIKHĪ..... 709 21. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VESSABHŪ..... 712 22. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KAKUSANDHA..... 715 23. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KONĀGAMANA..... 718 24. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KASSAPA..... 721 25. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT GOTAMA..... 725 26. CHƯƠNG TỔNG HỢP VỀ CHƯ PHẬT..... 727 GIẢNG GIẢI VỀ VIỆC PHÂN CHIA XÁ-LỢI..... 729

HẠNH TẠNG TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 733 I. Sự TOÀN HẢO VỀ BÓ THÍ..... 735 1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AKITTI..... 735 2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAÑKHA..... 736 3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KURUDHAMMA..... 736 4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀSUDASSANA..... 737 5. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀGOVINDA..... 738 6. HẠNH CỦA ĐỨC VUA NIMI..... 738 7. HẠNH CỦA HOÀNG TỬ c ANDA..... 738 8. HẠNH CỦA ĐỨC VUA SIVI..... 739 9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] VESSANTARA..... 740 10. HẠNH CỦA CON THỎ HIỀN TRÍ..... 743

II. Sự TOÀN HẢO VỀ GIỚI..... 746 1. HẠNH CỦA VỊ NUÔI DƯỠNG MẸ..... 746 2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHŪRIDATTA..... 746 3. HẠNH CỦA CON RỒNG CAMPEYYA..... 747 4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] CULLABODHI..... 748 5. HẠNH CỦA CON TRÂU CHÚA.....749 6. HẠNH CỦA CON NAI CHÚA RURU..... 749 7. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MĀTAÑGA..... 750 8. HẠNH CỦA THIÊN TỬ DHAMMĀ..... 751 9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ^TÁT] ALĪNASATTA..... 751 10. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAÑKHAPĀLA..... 752 IIL Sự TOÀN HẢO VỀ XUẤT LY..... 754 1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] YUDHAÑJAYA..... 754 2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SOMANASSA..... 754 3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AYOGHARA..... 755 4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHISA..... 756 5. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ SONA.....757 IV. Sự TOÀN HẢO VỀ QUYẾT ĐỊNH.....758 6. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ TEMIYA..... 758 V. Sự TOÀN HẢO VÈ CHÂN THẬT..... 760 7. HẠNH CỦA CON KHỈ CHÚA..... 760 8. HẠNH CỦA ĐẠO sĩ SACCA..... 760 9. HẠNH CỦA CHIM CÚT CON.....760 10. HẠNH CỦA VUA CÁ..... 761 11. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KANHADĪPĀYANA ..... 762 12. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUTASOMA..... 763 VI. Sự TOÀN HẢO VỀ TỪ ÁI.....764 13. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUVANNASĀMA.....764 14. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] EKARĀJA..... 764 VIL Sự TOÀN HẢO VỀ HÀNH XẢ.....765 15. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀLOMAHAMSA 765

Ixii KINH TIỂU BỘ

MILINDAVẤN ĐẠO TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 769 PHẦN NGOẠI THUYẾT..... 773 Sự LIÊN HỆ TRONG QUÁ KHỨ..... 775 I. ĐẠI PHẨM..... 794 CÁC CÂU HỎI VỀ TƯỚNG TRẠNG..... 803 II. PHẨM HÀNH TRÌNH..... 810 III. PHẨM SỞ HỮU TỨ..... 820 IV. PHẨM NIẾT-BÀN..... 832 V. PHẨM ĐỨC PHẬT..... 839 VI. PHẨM TRÍ NHỚ..... 843 vn. PHẨM XÁC ĐỊNH CÁC

PHÁP vô SẮC..... 848 VIỆC HỎI VÀ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI CỦA MILINDA..... 859 PHẦN MỞ ĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI..... 861 CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI..... 867 L PHẨM NĂNG Lực CỦA THẦN THÔNG..... 867 1. CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẬN CÚNG DƯỜNG ..... 867 2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN..... 873 3. CÂU HỎI VỀ Sự XUẤT GIA CỦA DEVADATTA..... 878 4. CÂU HỎI VỀ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DỘI CỦA TRÁI ĐẤT...882 5. CÂU HỎI VỀ Sự BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI..... 887 6. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬP VÀO BÀO THAI..... 890 7. CÂU HỎI VỀ Sự BIẾN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP..... 896 8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐỨT PHÁP BẤT THIỆN..... 899 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CẦN PHẢI LÀM THÊM NỮA ..... 903 10. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG Lực CỦA THẦN THÔNG..... 904 II. PHẨM KHÔNG BỊ CHIA RẼ..... 907 1. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIỀU NHỎ NHẶT VÀ TIÊU TIẾT..... 907 2. CÂU HỎI VỀ CÂU TRẢ LỜI NÊN Được ĐÌNH CHỈ..... 908 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG sợ HÃI sự CHẾT..... 909

4. CÂU HỎI VỀ Sự THOÁT KHỎI CÁI BẪY CỦA THẦN CHẾT..... 914 5. CÂU HỎI VỀ Sự CHƯỚNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THẾ TÔN..... *..... :..... 917

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI ở HÀNH ĐỘNG Ác CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT..... 920 7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HỘI CHÚNG TỲ-KHƯU..... 921 8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỘI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ..... 922 III. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUỔI ĐI..... 924 1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG..... 924 2. CÂU HỎI VỀ Sự BAN PHÁT ĐIỀU LƠI ÍCH ĐẾN TẤT CẢ CHÚNG SANH..... 926 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIẾU LỘ VẬT Được CHE GIẤU SAU LỚP VẢI..... :.....929 4. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT..... 931 5. CÂU HỎI VỀ BẢN THẾ SUY Tư CỦA CÂY CỐI ..... 933 6. CÂU HỎI VỀ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC..... 934 7. CÂU HỎI VỀ Sự CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT..... 937 8. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỊ THƯƠNG BỞI MIẾNG ĐÁ ở BÀN CHÂN..... 938 9. CÂU HỎI VỀ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẤT ..... 940 10. CÂU HỎI VỀ VIỆC NÓI LỜI CA NGƠI..... 941 11. CÂU HỎI VỀ Sự KHÔNG HÃM HẠI VÀ sự TRẤN ÁP..... 942 12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỲ-KHƯU ..... 944 IV. PHẨM VỀ TRÍ TOÀN TRI..... 946 1. CÂU HỎI VỀ QUẢ THÀNH Tựu CỦA

NGHIỆP CÓ NĂNG Lực LỚN HƠN THẦN THÔNG..... 946 2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÀ LUẬT Được CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU..... 947 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI ..... 949 4. CÂU HỎI VỀ QUY LUẬT Tự NHIÊN ĐỐI VÓI ĐỨC BỒ-TÁT..... 950 5. CÂU HỎI VỀ VIỆC Tự KẾT LIỄU BẢN THÂN..... 951 6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ..... 954 7. CÂU HỎI VỀ Sự BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN..... 956 8. CÂU HỎI VỀ HOÀNG HẬU AMARĀ..... 960

9. CÂU HỎI VỀ Sự KHÔNG sợ HÃI CỦA BẬC LẬU TẬN.....962 10. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI .....964 V. PHẨM THÂN THIẾT..... 966 1. CÂU HỎI VỀ Sự THÂN THIẾT..... 966 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HẠN CHẾ BAO TỬ..... 967 3. CÂU HỎI VỀ Sự ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THẾ TÔN.....969 4. CÂU HỎI VỀ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO LỘ CHƯA Được SANH KHỞI..... 970 5. CÂU HỎI VỀ LOMASAKASSAPA..... 972 6. CÂU HỎI VỀ CHADDANTA VÀ JOTIPĀLA..... 974 7. CÂU HỎI VỀ GHATĨKẢRA..... 975 8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA..... 977 9. CÂU HỎI GIẢNG VỀ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGA CÁC BÀI KỆ..... :..... :..... 979 10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG Nỗ Lực TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP ..... :..... 983 11. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG có THẦY CỦA VỊ THÀY..... 985 CÁC CÂU HỎI SUY LUÂN..... 987 I. PHẨM ĐỨC PHẬT..... 987 1. CÂU HỎI VỀ VIỆC SANH LÊN CỦA HAI VỊ PHẬT..... 987 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC DÂNG CÚNG TẤM VẢI CỦA BÀ GOTAMĪ..... 989 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC THỰC HÀNH ĐÚNG ĐẮN CỦA HÀNG TẠI GIA VÀ XUẤT gia..... 992 4. CÂU HỎI VỀ Sự SAI TRÁI TRONG ĐƯỜNG LỐI THỰC HÀNH..... 993 5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TRỞ LẠI ĐỜI SỐNG TẠI GIA TẦM THƯỜNG .....995 6. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬN BIẾT CẢM THỌ CỦA VỊ A-LA-HÁN..... 1001 7. CÂU HỎI VỀ CHƯỚNG NGẠI CỦA sự CHỨNG NGỘ ..... 1002 8. CÂU HỎI VỀ GIỚI HẠNH TỒI..... 1005 9. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ SINH MẠNG VÀ sự SỐNG CỦA NƯỚC..... 1006 II. PHẦM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI..... 1010 1. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI..... 1010 2. CÂU HỎI VỀ NGƯỜI TẠI GIA CHỨNG A-LA-HÁN..... 1012 3. CÂU HỎI VỀ Sự THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN 1013

4. CÂU HỎI VỀ VẬT THÊ KHÔNG có ở THẾ GIAN ..... 1015 5. CÂU HỎI VỀ VẬT KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP ..... 1015 6. CÂU HỎI VỀ VẬT SANH RA

DO NGHIỆP VÀ KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP..... ..... 1018 7. CÂU HỎI VỀ THÂY CHẾT CỦA DẠ-XOA..... 1018 8. CÂU HỎI VỀ Sự QUY ĐỊNH ĐIỀU HỌC..... 1019 9. CÂU HỎI VỀ Sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI.....1020 10. CÂU HỎI THỨ NHÌ VỀ sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI..... 1020 III. PHẨM VESSANTARA..... 1022 1. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỐ THÍ CON CỦA VESSANTARA..... 1022 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH..... 1030 3. CÂU HỎI VỀ THIỆN HAY BẤT THIỆN MẠNH HƠN ..... 1034 4. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỒI HƯỚNG ĐẾN QUYẾN THUỘC ĐÃ QUÁ VÃNG..... 1038 5. CÂU HỎI VỀ GIẤC Mơ..... 1041 6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CHẾT KHÔNG ĐÚNG THỜI..... 1043 7. CÂU HỎI VỀ ĐIỀU KỲ DIỆU ở BẢO THÁP..... 1050 8. CÂU HỎI VỀ Sự LÃNH HỘI GIÁO PHÁP..... 1051 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT KHÔNG BỊ XEN LẪN KHỔ CỦA NIẾT-BÀN.....1054 10. CÂU HỎI VỀ HÌNH THẾ VÀ VỊ TRI NIẾT-BÀN..... 1056 11. CÂU HỎI VỀ Sự CHỨNG NGỘ NIẾT-BÀN..... 1062 12. CÂU HỎI VỀ NƠI CHỨA ĐƯNG NIẾT-BÀN..... 1064 IV. PHẨM SUY LUÂN..... 1067 1. CÂU HỎI [GIẢNG BẰNG sự] SUY LUẬN..... 1067 2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỚC..... 1081 CÁC CÂU HỎI GIẢNG VỀ CÁC ví DỤ.....1095 CÁC TIÊU ĐỀ.....1095 I. PHẨM LỪA..... 1099 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI LỪA.....1099 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI GÀ TRỐNG..... 1099 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SÓC..... noi 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO CÁI..... noi

Ixvi KINH TIỂU Bộ

o2

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO Đực.....

1 o9

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA..... 1

1 1 o4 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY TRE..... A 1

4 1 1 o 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CUNG..... 1 1 3 1 1 o 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA LOÀI QUẠ..... 1 1 3 1 1 o 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI KHỈ..... 1 1

1 1 o II. PHẨM BIỂN CẢ..... 1 1

i o 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA DÂY BÀU..... i

1 1 o 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SEN..... A 1

1 1 o 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA HẠT GIỐNG..... 1 1

1 1 o 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SĀLĀ XINH ĐẸP..... 1 1

1 1 o 5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHIẾC THUYỀN..... 1 ±

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI NEO THUYỀN 1110 1 l 0 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CỘT BUỒM.....

r— 1 i

l 1 l 1 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG

1 1 i

— 1 1 1 1 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG.....

T l 1 1

— 1 1 T2 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA BIỂN CẢ..... 1 1

1 1 L4 in. PHẨM ĐẤT 1 1

1 1 L4 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT..... 1 A

1 1
5
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC.....
v
A 1
— l 6
1 1
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LỬA.....
1
A 1 —

r7 1

1 1 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA GIÓ..... A 1

7
1 1
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NÚI.....
ĩ—
1 1

9 l

1 1 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA Hư KHÔNG..... Ỉ 1 — T l

0
1 2

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRĂNG..... x
1
1 2
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRỜI..... 1
2
< 2
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ SAKKĀ..... 1
2
1 1 2
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ CHUYÊN LUÂN..... x 1
4
1 1 2
IV. PHẨM MỐI..... 1 1
4
1 1 2
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MỐI..... 1 A
4
1 1 2
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÈO..... A L
5
1 1 2
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHUỘT..... A A
5
1 1 2
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CẠP..... A 1

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHỒN..... 1125 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHÓ RỪNG GIÀ ..... 1126 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NAI..... 1127 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ..... 1127 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI HEO..... 1128 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI VOI..... 1129 V. PHẨM Sư TỬ.....1131 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI sư TỬ..... 1131 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NGỎNG Đỏ ..... 1132 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SẾU CÁI..... 1133 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA LOÀI Bồ CÂU NHÀ..... 1134 5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM cú..... 1134 6. CẢU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM GÕ KIẾN..... 1135 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI DƠI..... 1135 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI

ĐỈA..... 1136 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RẮN..... 1136 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI TRĂN..... 1137 VI. PHẨM NHỆN.....1138 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NHỆN..... 1138 2. CẦU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐỨA BÉ ĐEO BẦU vú..... 1138 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA..... 1139 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA KHU RỪNG..... 1139 5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CỐI..... 1140 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CƠN MƯA..... 1141 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGỌC MA-NI.....1141 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ SĂN..... 1142 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CÂU CÁ..... 1143 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ MỘC..... 1143 VIL PHẨM CHUM NƯỚC.....1145 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHUM NƯỚC..... 1145 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA SẮT ĐEN..... 1145 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI LỌNG CHE..... 1146 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THỬA RUỘNG..... 1146

Ixviii KINH TIỀU Bộ

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA THUỐC GIẢI ĐỘC..... 1147 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VẬT THỰC..... 1147 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CUNG THỦ..... 1148 ĐOẠN KẾT.....1151

PHỤ LỤC l.....1153 PHỤ LỤC 2.....1159 PHỤ LỤC 3.....1161 SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT.....1165 SÁCH DẪN PALI.....1177

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.